

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THỂ THAO BẾN TRE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THỂ THAO BẾN TRE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEN TRE INVESTMENT CONSTRUCTION AND SPORTS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BEN TRE CONSTRUCTION AND SPORTS.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 1301051176

3. Ngày thành lập: 10/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

135/1 Nguyễn Ngọc Nhựt, Phường 4, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0983366071

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
2.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
3.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
4.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại, bán buôn sắt thép và kim loại khác	4662
6.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
7.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
8.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
9.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311(Chính)
10.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
11.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh(loại nhà nước cho phép)	8299
13.	Khai thác thủy sản biển	0311
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
16.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931

Thời gian đăng từ ngày 10/04/2018 đến ngày 10/05/2018

17.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
18.	Khai thác và thu gom than non	0520
19.	Xây dựng công trình công ích	4220
20.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
21.	Cho thuê xe có động cơ	7710
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
23.	Phá dỡ	4311
24.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
26.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
27.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
28.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
29.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
30.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
31.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
32.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi Chi tiết: Sản xuất bàn bia và dụng cụ ném bóng	3240
33.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất quần áo thể thao	1410
34.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
35.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
36.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hóa, Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp(không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
37.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
38.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
39.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
40.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
43.	Xây dựng nhà các loại	4100
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các địa lý bán vé máy bay	5229

45.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
46.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
47.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
48.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
51.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, thiết bị xây dựng	7730
52.	Đại lý du lịch	7911
53.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp, Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, loại công trình, Dịch vụ tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, Định giá: Hạng 2	7110
54.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
57.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
58.	Điều hành tua du lịch	7912
59.	Khai thác quặng sắt	0710
60.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
61.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
62.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
63.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư(Không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	6619
64.	Hoạt động thể thao khác	9319
65.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cho thuê thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí	9329
66.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn); mũ thể thao	3290
67.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
68.	Quảng cáo	7310
69.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước(không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	7830

70.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
71.	Bán buôn thực phẩm	4632
72.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
73.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành, nghề sản xuất và phân phối điện	3510
74.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
75.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
76.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN VŨ	132 Ngô Thị Thu Minh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	4.000.000.000	40,000	023383588	
			Tổng số	40.000	4.000.000.000	40,000		
2	PHẠM DUY VINH	P301-A5, Tổ 35 TTXNXL 24, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	2.000.000.000	20,000	013350525	
			Tổng số	20.000	2.000.000.000	20,000		
3	NGÔ NHẬT VĂN	154/54/27 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	4.000.000.000	40,000	025918960	
			Tổng số	40.000	4.000.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ NHẬT VĂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/08/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025918960

Ngày cấp: 16/06/2014

Nơi cấp: CA TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 154/54/27 Ấu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 10, đường số 9, khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre